

KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN KINH TẾ DI SẢN CỦA TRUNG QUỐC VÀ HÀM Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM

● ĐỖ HẠNH NGUYÊN

Trường Đại học Thương mại

TÓM TẮT:

Kinh tế di sản (KTDS) là loại hình kinh tế tạo giá trị kinh tế từ nguồn lực di sản. Loại hình kinh tế này gắn trực tiếp đến quá trình thương mại hóa hợp lý các loại di sản. Xác định rõ di sản văn hóa không chỉ là biểu tượng của bản sắc, mà còn là động lực cho phát triển kinh tế và đổi mới sáng tạo, trong nhiều năm qua, Trung Quốc đã thành công trong việc khai thác tiềm năng của KTDS, đóng góp cho tăng trưởng bền vững của đất nước. Bài viết này sẽ trao đổi về kinh nghiệm phát triển KTDS ở Trung Quốc và bài học đối với Việt Nam.

Từ khóa: kinh tế di sản, giá trị kinh tế, thương mại hóa, Trung Quốc, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Kinh tế di sản (heritage economy) đề cập đến các hoạt động kinh tế và chiến lược phát triển tập trung vào việc bảo tồn, phát huy và sử dụng bền vững các tài sản văn hóa và lịch sử. Kinh tế di sản bao gồm việc tích hợp các nguyên tắc kinh tế vào quản lý di sản để đạt được tăng trưởng bền vững bằng cách tạo ra doanh thu từ di sản hữu hình và phi vật thể, hỗ trợ nền kinh tế địa phương và thúc đẩy phúc lợi cộng đồng. So với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, Trung Quốc là quốc gia có nhiều di sản tầm quốc tế và triển khai công tác bảo tồn, khai thác hiệu quả của các di sản, không chỉ để bảo vệ các di sản mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.

Tại Việt Nam, trong những năm gần đây, trước xu thế hội nhập và phát triển của đất nước, khái niệm KTDS cũng được nhắc đến nhiều hơn. Thực tế cho thấy, Việt Nam có rất nhiều tiềm năng trong việc khai thác tiềm năng KTDS. Tuy nhiên, đến

nay, việc phát huy vai trò của KTDS đối với tăng trưởng kinh tế, đặc biệt với yêu cầu tăng trưởng kinh tế 2 con số trong những năm tới chưa được như kỳ vọng. Do vậy, những kinh nghiệm trong phát triển kinh tế của quốc gia láng giềng Trung Quốc rất phù hợp và hữu ích đối với Việt Nam nhằm mục tiêu bảo tồn, cũng như phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế đất nước.

2. Tổng quan về kinh tế di sản

2.1. Khái niệm kinh tế di sản

KTDS là một chuyên ngành khoa học, dựa trên nền tảng lý thuyết kinh tế nhằm làm rõ tầm quan trọng của di sản trong nền kinh tế; các cơ chế và nguyên tắc bảo vệ và phát huy tối ưu lợi ích của di sản (Bui Dai Dung, Nguyen Thi Vinh Ha, Nguyen Thi Hoa Hanh, 2020).

KTDS là lĩnh vực kinh tế đặc thù, sử dụng các giá trị của di sản như một nguồn lực để phát triển - vừa tạo ra lợi ích kinh tế, vừa bảo tồn và lan tỏa các

giá trị đó một cách bền vững. Nguyên lý cốt lõi của phát triển KTDS là sự kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển (Nguyễn Xuân Thắng, 2025).

KTDS là một lĩnh vực nghiên cứu và thực hành tập trung vào việc sử dụng và khai thác các tài sản văn hóa, lịch sử và tự nhiên để tạo ra giá trị kinh tế. Điều này bao gồm các hoạt động như bảo tồn di sản văn hóa, phát triển du lịch di sản và sử dụng các tài nguyên di sản để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển cộng đồng (Bùi Liên Hà, 2024).

2.2. Vai trò của kinh tế di sản trong phát triển kinh tế đất nước

KTDS có vai trò quan trọng, đóng góp vào phát triển kinh tế quốc gia. Trong đó, có thể kể ra một số vai trò nổi bật sau:

- Tạo ra nguồn thu lớn cho nền kinh tế, góp phần vào tăng trưởng kinh tế địa phương và quốc gia, tạo cơ hội việc làm và thu nhập cho người dân, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng và tạo động lực cho các ngành kinh tế khác phát triển. Tài nguyên văn hóa có thể giúp tối ưu hóa môi trường đầu tư và nâng cao khả năng cạnh tranh, đồng thời có thể được chuyển hóa thành

nguồn lực kinh tế thông qua việc phát triển và sử dụng hợp lý để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (Vũ Phương Dung, 2024).

- Tạo nguồn lực tài chính để đầu tư bảo tồn, gìn giữ, trùng tu và lan tỏa các giá trị của di sản ở mức cao nhất. Không chỉ tạo ra nguồn lực phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân địa phương, KTDS còn tự thân nó có thể thu hút được nguồn lực của Nhà nước và tư nhân để đầu tư, phục dựng, bảo tồn được các di sản.

- Góp phần giáo dục và nâng cao nhận thức của cộng đồng, giúp người dân hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản, tạo ra sự gắn kết giữa các thế hệ, từ đó gìn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc. Phát triển KTDS cũng giúp đảm bảo rằng người dân địa phương được hưởng lợi từ các hoạt động kinh tế mà không làm tổn hại đến tài nguyên và môi trường.

- Góp phần xây dựng thương hiệu, tạo dựng hình ảnh, quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế quốc gia, tạo ra những giá trị kinh tế, xã hội bền vững, những dấu ấn riêng trong hoạt động du lịch và là công cụ thúc đẩy ngoại giao văn hóa và hợp tác quốc tế.

Bảng 1. Lợi ích của KTDS

STT	Lợi ích	Ý nghĩa
1	Tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế	Tạo ra việc làm trực tiếp trong ngành Du lịch và các ngành liên quan khác như dịch vụ ăn uống, bán lẻ và giao thông, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
2	Tạo ra nguồn thu cho người dân địa phương	Tạo ra nhiều cơ hội việc làm, góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương và quốc gia thông qua du lịch và các hoạt động kinh tế khác.
3	Bảo tồn di sản và giá trị văn hóa	Giúp có nguồn lực tài chính để đầu tư vào công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản.
4	Phát triển cộng đồng	Nâng cao đời sống kinh tế, xã hội cho người dân sống xung quanh các khu di sản.
5	Nâng cao nhận thức người dân	Góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị của di sản văn hóa.
6	Phát triển kết cấu hạ tầng và nâng cao chất lượng dịch vụ	Để thu hút du khách và đầu tư vào di sản, các kết cấu hạ tầng như giao thông, cơ sở lưu trú và dịch vụ công cộng thường được cải thiện và nâng cấp, qua đó cải thiện điều kiện sống của cư dân địa phương
7	Khuyến khích sáng tạo và đổi mới	Khuyến khích sự sáng tạo trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ dựa trên di sản văn hóa, như nghệ thuật, thủ công mỹ nghệ và thiết kế, từ đó bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa độc đáo.

Nguồn: Tác giả tổng hợp

3. Phát triển kinh tế di sản ở Trung Quốc

3.1. Về tiềm năng kinh tế di sản

Theo số liệu của Cục Bảo vệ di sản văn hóa quốc gia Trung Quốc, tính đến cuối năm 2024, nước này có 7.046 bảo tàng, tăng 213 bảo tàng so với năm 2023, đạt tỷ lệ 200.000 dân/bảo tàng, trong đó 91,46% bảo tàng mở cửa miễn phí, đón 1,49 tỷ lượt người tham quan (Hữu Hưng, Hồ Quân, 2025). Bên cạnh đó, với hơn 40 di sản được ghi danh vào Danh sách Di sản Văn hóa Phi vật thể của UNESCO, Trung Quốc hiện là quốc gia đứng đầu thế giới về số lượng các giá trị phi vật thể được quốc tế công nhận.

3.2. Về hoàn thiện khuôn khổ pháp lý thúc đẩy kinh tế di sản

Chính phủ Trung Quốc quan tâm ban hành khuôn khổ pháp lý về KTDS được phát triển và điều chỉnh gắn với điều kiện phát triển mới, tầm nhìn mới về KTDS. Cuối năm 2024, Trung Quốc tiến hành sửa đổi toàn diện Luật Bảo vệ di sản văn hóa được ban hành vào năm 1982, theo đó đã sửa đổi 75/80 điều, tăng thêm 19 điều và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/3/2025, để tăng cường công tác bảo vệ, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát huy giá trị di sản văn hóa. Trong đó có những quy định về yêu cầu đối với công tác bảo vệ di sản văn hóa như: coi bảo vệ di sản là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, tăng cường quản lý di sản, khai thác giá trị di sản, tạo sức sống mới cho di sản (Hữu Hưng, Hồ Quân, 2025). Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, chế tài đối với các hành vi vi phạm pháp luật gây tổn hại đến di sản văn hóa còn chưa đầy đủ, khó hình thành hiệu quả răn đe (Vũ Phương Dung, 2024).

3.3. Về đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế di sản

Chính phủ Trung Quốc đầu tư phát triển hạ tầng KTDS như việc kết nối thuận tiện nhất giữa các trung tâm thương mại lớn với di sản với tốc độ cao nhất, điều kiện di chuyển thuận lợi nhất, chất lượng dịch vụ cao nhất và giá cả cạnh tranh nhất. Việc làm này góp phần tăng tính hứng khởi và mong muốn khám phá di sản của đối tượng muốn thụ hưởng giá trị di sản. Bên cạnh đó, việc kết hợp giữa

phát huy giá trị của di sản với ngành Du lịch, ngành Vận tải, nền sản xuất hàng hóa cung ứng cho điểm di sản cũng như phát huy khá hiệu quả các nền tảng trực tuyến được coi trọng (Nguyễn Thường Lạng, 2024). Ngoài ra, kinh nghiệm của Trung Quốc cũng cho thấy, hỗ trợ tài chính đã thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo di sản văn hóa phi vật thể. Chẳng hạn, trong những năm gần đây, vùng dân tộc tự trị Ebian liên tục đầu tư hỗ trợ nghiên cứu và phát triển các sản phẩm văn hóa và sáng tạo di sản văn hóa phi vật thể, đào tạo nhân tài và xây dựng xưởng sản xuất, nhờ đó lợi ích kinh tế của các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo cho khu vực này không ngừng được cải thiện (Zhang Lei, Wan Jialing, 2024).

3.4. Về hợp tác khai thác kinh tế di sản

Trung Quốc khuyến khích các doanh nghiệp và các chủ thể có đủ điều kiện tham gia phù hợp vào KTDS trước hết thông qua chuỗi du lịch di sản, phát triển các khách sạn phù hợp, nghiên cứu về di sản, đầu tư phát triển di sản và cơ chế phân bổ lợi nhuận giữa các chủ thể liên quan. Đặc biệt, các doanh nghiệp kinh doanh di sản đã kết nối chặt chẽ với đại lý du lịch, lữ hành trong nước và nước ngoài, các địa danh vui chơi, tham quan, giải trí độc đáo, hấp dẫn. Trung Quốc cũng xây dựng mô hình hợp tác giữa trung tâm, địa điểm, địa danh di sản với các ngành liên quan như nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ thành chuỗi KTDS, chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng trên nền tảng thu lợi ích thương mại phù hợp nhằm loại bỏ cạnh tranh thiếu lành mạnh và tuân thủ nguyên tắc lợi ích thương mại tối đa, tuân thủ nguyên tắc phát triển bền vững và sự công bằng trong phân phối (Nguyễn Thường Lạng, 2024). Chính phủ Trung Quốc đặc biệt tiếp cận các hoạt động di sản thông qua các chiến lược kinh doanh, coi di sản là nguồn lực quan trọng cho phát triển và tái phát triển đô thị (Su 2015).

Tuy nhiên, không ít địa phương xuất hiện những vụ việc vì lợi ích thương mại mà cải tạo quá mức các công trình kiến trúc cổ, thậm chí xâm hại đến di tích văn hóa-lịch sử (Hữu Hưng, Hồ Quân, 2025). Trong khi đó, một số chính quyền địa phương thiếu

sự bảo trì thường xuyên và đầu tư cần thiết cho các di sản lịch sử, văn hóa; một số nơi vẫn còn tồn tại hiện tượng một số lãnh đạo địa phương coi trọng phát triển hơn bảo vệ di sản văn hóa (Vũ Phương Dung, 2024).

3.5. Về ứng dụng công nghệ số vào phát huy kinh tế di sản

Cục Bảo vệ di sản văn hóa quốc gia đã ứng dụng công nghệ cao vào việc giám sát cổ vật văn hóa, khi lắp đặt camera an ninh cảm biến tại tất cả các di sản văn hóa thế giới của Trung Quốc cũng như các di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia trong phạm vi cả nước. Trong những năm gần đây, công nghệ màn hình kỹ thuật số đã được ứng dụng rộng rãi, chẳng hạn, đối với một số địa điểm khảo cổ lớn có tầm nhìn trực quan kém, có thể sử dụng công nghệ thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) và thực tế hỗn hợp (MR), góp phần nâng cao các trải nghiệm văn hóa (Vũ Phương Dung, 2024). Đặc biệt, với sự trợ giúp của công nghệ kỹ thuật số, văn hóa truyền thống đặc sắc của Trung Quốc - chứa đựng di sản văn hóa được chuyển thành các kịch bản ứng dụng giáo dục, có sự tham gia mang tính giáo dục và giải trí dành cho học sinh tiểu học và trung học, mang lại chất lượng cao hơn cho các trường tiểu học và trung học (Nguyễn Thường Lạng, 2024).

3.6. Về hoạt động quảng bá di sản

Để phát huy KTDS, thu hút khách du lịch quốc tế đến tham qua, Trung Quốc đã tổ chức các tuyến du lịch từ bên ngoài lãnh thổ và quảng bá rất nhiều các loại di sản gắn với lịch sử, truyền thuyết, huyền thoại và các thực thể lịch sử, địa danh truyền thống, cổ xưa và văn hóa ẩm thực, kiến trúc, trạng phục, âm nhạc và các di sản thiên nhiên độc đáo được nhìn nhận và khai thác hiệu quả (Nguyễn Thường Lạng, 2024). Ngoài ra, thông qua việc sử dụng công nghệ thực tế ảo và phim truyền hình, Trung Quốc cũng thành công với việc quảng bá giá trị các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Bên cạnh đó, là cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý bảo tàng, bảo vệ cổ vật, di sản văn hóa, Cục Bảo vệ di sản văn hóa quốc gia trực thuộc Bộ Văn hóa và Du

lịch Trung Quốc đã đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ di sản văn hóa để người dân hiểu và tuân thủ pháp luật.

4. Hàm ý đối với Việt Nam

Việt Nam có 9 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới; 15 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận. Đồng thời, Việt Nam có nhiều di sản văn hóa và thiên nhiên cấp quốc gia, cấp địa phương và hàng năm có 8.000 lễ hội. Hơn nữa, Việt Nam có nhiều trò chơi dân gian đa dạng mang bản sắc địa phương, vùng miền và theo phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa vùng, miền. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, KTDS hiện nay vẫn đối mặt với một số rào cản, thách thức, chưa khai thác hết tiềm năng để đóng góp vào nền kinh tế. Trên cơ sở kinh nghiệm của Trung Quốc, có thể đưa ra một số hàm ý đối với Việt Nam trong phát triển KTDS trong thời gian tới, cụ thể:

Một là, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân về giá trị di sản và kỹ năng tham gia làm du lịch, dịch vụ. Khi người dân hiểu rõ và thấy được lợi ích thiết thực sẽ trở thành chủ thể tích cực trong bảo vệ, thực hành, sáng tạo các giá trị của di sản. Cùng với đó, thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn ngắn hạn cho cán bộ văn hóa, doanh nghiệp du lịch, hướng dẫn viên, đặc biệt là người dân địa phương về kỹ năng bảo tồn, phát huy di sản.

Hai là, tiếp tục rà soát, bổ sung các quy định của pháp luật, các cơ chế, chính sách để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc phát huy giá trị kinh tế của di sản, đồng thời thắt chặt các quy định bảo vệ di sản trước nguy cơ bị xâm hại. Nghiên cứu ban hành chính sách ưu đãi thuế, tín dụng cho các doanh nghiệp đầu tư vào bảo tồn di tích, phát triển sản phẩm du lịch di sản; chính sách hỗ trợ cộng đồng địa phương khởi nghiệp dựa trên di sản.

Ba là, trao quyền nhiều hơn cho cộng đồng trong việc lập kế hoạch và tổ chức phát huy, khai thác giá trị di sản; Xây dựng các cơ chế phân phối lợi ích công bằng: phân chia hợp lý nguồn thu từ cung cấp dịch vụ, vé tham quan,... để một phần cho tái đầu tư bảo tồn di sản, một phần đưa về cho cộng đồng.

Bốn là, thu hút vốn đầu tư, xã hội hóa việc huy động nguồn lực cho bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Đẩy mạnh mô hình đối tác công - tư (PPP) trong trùng tu di sản và kinh doanh dịch vụ du lịch trên nguyên tắc bảo đảm sự minh bạch, hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và cộng đồng. Tăng cường dành nguồn lực cho đầu tư tôn tạo và bảo vệ di sản.

Năm là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số trong bảo tồn và phát huy di sản. Đẩy nhanh việc số hóa di tích, di sản (quét 3D, dựng mô hình số, lưu trữ dữ liệu số về di sản...) để vừa bảo tồn thông tin, vừa phục vụ nghiên cứu và giáo dục. Triển khai các hình thức tham quan ảo, thực tế tăng cường để quảng bá di sản rộng rãi. Áp dụng các công nghệ mới như: hệ thống bán vé điện tử, hệ thống đếm lưu lượng khách, camera giám sát bảo vệ di tích... nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, minh bạch và an toàn.

Sáu là, có một chiến lược bài bản để đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm KTDS. Khuyến khích các loại hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm văn hóa để du khách thực sự “sống trong di sản”. Đầu tư phục dựng, nâng tầm các chương trình biểu diễn nghệ thuật

truyền thống phục vụ du khách, vừa mang tính giải trí cao, vừa truyền tải được giá trị di sản. Phát triển các mặt hàng lưu niệm, thủ công mỹ nghệ tinh xảo, mang dấu ấn di sản để gia tăng chi tiêu của du khách.

Bảy là, tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm quốc tế trong bảo tồn, phát huy các giá trị di sản, biến di sản thành nguồn lực phát triển một cách bền vững.

5. Kết luận

Trong sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước, KTDS là nguồn lực to lớn, là động lực phát triển kinh tế và xã hội. Phát triển KTDS là quá trình giới thiệu, truyền tải các giá trị đặc sắc của văn hóa, thiên nhiên đến với công chúng và du khách. Nguyên tắc “bảo tồn trong phát huy” và “phát huy trong bảo tồn” tạo nên phương thức phát triển độc đáo dựa trên nền tảng di sản. Với lợi thế là quốc gia có rất nhiều di sản độc đáo, đặc sắc, Trung Quốc đã phát huy hiệu quả KTDS để vừa gắn với công tác bảo tồn di sản, vừa khai thác kinh tế cho sự phát triển đất nước. Những kinh nghiệm của Trung Quốc mang lại những hàm ý hay cho Việt Nam trong việc thúc đẩy KTDS trong sự phát triển của nền kinh tế nói riêng và của đất nước ở kỷ nguyên mới nói chung ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bùi Liên Hà (2024). Nhận thức về kinh tế di sản và thực trạng ở Việt Nam. Tạp chí Công sản. Truy cập tại <https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/hoi-thao-quang-ninh/-/2018/1028502/nhan-thuc-ve-kinh-te-di-san-va-thuc-trang-o-viet-nam.aspx>

Hữu Hưng, Hồ Quân (2025). Kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc bảo vệ di sản văn hóa. Báo Nhân dân điện tử. Truy cập tại <https://nhandan.vn/kinh-nghiem-cua-trung-quoc-trong-viec-bao-ve-di-san-van-hoa-post885211.html>.

Nguyễn Xuân Thắng (2025). Bài phát biểu khai mạc và đề dẫn Hội thảo “Phát triển KTDS - Kinh nghiệm của Việt Nam và Lào”.

Nguyễn Hồng Diên (2024). Kinh tế di sản trong bối cảnh hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay. Bài đăng trên Tạp chí Công sản, ngày 22/12/2024.

Nguyễn Thường Lạng (2024). Kinh nghiệm các quốc gia trên thế giới trong phát triển KTDS và bài học rút ra cho Việt Nam. Tạp chí Công sản. Truy cập tại <https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/hoi-thao-quang-ninh/-/2018/1030702/kinh-nghiem-cac-quoc-gia-tren-the-gioi-trong-phat-trien-kinh-te-di-san-va-bai-hoc-rut-ra-cho-viet-nam.aspx>.

Vũ Phương Dung (2024). Kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc kết hợp bảo vệ di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Tạp chí Cộng sản. Truy cập tại <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoi-thao-quang-ninh/-/2018/1030902/kinh-nghiem-cua-trung-quoc-trong-viec-ket-hop-bao-ve-di-san-van-hoa-gan-voi-phat-trien-kinh-te---xa-hoi.aspx#>.

Bui Dai Dung, Nguyen Thi Vinh Ha, Nguyen Thi Hoa Hanh (2020). International Journal of Economics, Business and Management Research. Vol. 4, No. 04; 2020, ISSN: 2456-7760.

Mengke Zhang (2024). The state-led approach to industrial heritage in China's mega-events: capital accumulation, urban regeneration, and heritage preservation. Built Heritage 8, 30 (2024). Available at <https://doi.org/10.1186/s43238-024-00144-1>.

Su, X. (2015). Urban entrepreneurialism and the commodification of heritage in China. Urban Studies 52 (15): 2874-2889. Available at <https://doi.org/10.1177/0042098014528998>.

Zhang Lei, Wan Jialing (2024). The Impact of Cultural and Creative Products Arising from Intangible Cultural Heritage on Economic Development: A Case Study of Ebian County, China. Journal of Resources and Ecology, 2024, Vol. 15 » Issue: 1106-1112. DOI: 10.5814/j.issn.1674-764x.2024.04.028.

Ngày nhận bài: 22/8/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 9/9/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 25/9/2025

CHINA'S EXPERIENCE IN DEVELOPING HERITAGE ECONOMY AND ITS IMPLICATIONS FOR VIETNAM

● DO HANH NGUYEN

Thuongmai University

ABSTRACT:

The heritage economy generates economic value by leveraging cultural and heritage resources, closely tied to the rational commercialization of heritage-based products. Cultural products are recognized not only as symbols of identity but also as catalysts for economic development and innovation. Over the years, China has successfully harnessed the potential of its heritage economy, contributing to sustainable national development. This study examines China's experiences in developing its heritage economy and derives key lessons and strategic insights that can inform the development of a sustainable heritage economy in Vietnam.

Keywords: heritage economics, economic value, commercialization, China, Vietnam.